

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1622/2023/HN-ST

Ngày: 25/5/2023

V/v ly hôn và chia tài sản
chung trong thời kỳ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi
2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án thụ lý số 969/2021/TLST-HN ngày 21 tháng 5 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5071/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 2348/QĐHPT ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 108 đường A4, khu phố P, phường T, Thành phố Thủ Đức.

Bị đơn: **Ông Mai Thanh B**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 108 đường A4, khu phố P, phường T, Thành phố Thủ Đức.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Hoài N, sinh năm 1952
2. Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Số 15 đường số 14, khu phố P, phường T, Thành phố Thủ Đức.

3. Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Ban quản lý dự án số O

Địa chỉ: Số 48 đường B1, khu đô thị Đ, phường T, thành phố Thủ Đức.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Trung H

(Theo Giấy ủy quyền số 2022/UQ – HUD ngày 27/6/2022)

(Bà H, ông B có mặt, ông N, bà A, ông H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông B đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh Giấy chứng nhận kết hôn số 019, quyền số KH/08. Từ đầu năm 2018, bà và ông B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, cuộc sống ngột ngạt khiến cả hai không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Năm 2019, bà làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện để tạo cơ hội hai bên hàn gắn. Tuy nhiên bà và ông B vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn gay gắt, không thể hàn gắn được. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông B, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông B có 02 người con chung tên Mai Nguyễn H P (nam), sinh năm 2009 và Mai Nguyễn H Đ (nam), sinh năm 2015. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hàng tháng yêu cầu ông B cấp dưỡng số tiền 2.500.000 đồng đối với mỗi trẻ. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/9/2022 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông B có tài sản chung là nhà, đất tại địa chỉ số 108 đường A4, khu phố Phước Lai, phường T, Thành phố Thủ Đức, nền đất số 11B, Thửa 16-lô 111.17 diện tích 104 m² khu tái định cư Đông Tăng Long. Nguồn gốc của thửa đất trên là ông bà mua bằng giấy tay của ông N và bà A, sau đó xây dựng nhà ở năm 2014. Nay bà yêu cầu được nhận ½ giá trị quyền sử dụng đất nêu trên là 3.125.000.000 đồng và không yêu cầu chia giá trị xây dựng căn nhà. Hiện nay bà và hai con đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ để ở, không còn ở trong căn nhà.

Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn – ông Mai Thanh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị H về thời điểm kết hôn, mối quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, con chung. Mâu thuẫn giữa ông và bà H không thể giải quyết, ông xác định không còn tình cảm với bà H và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý hàng tháng cấp dưỡng số tiền 2.500.000 đồng đối với mỗi trẻ. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/9/2022 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vào tháng 8/2004, ông có mua căn nhà cấp bốn tại hẻm số 65/26B đường số 2, phường T, Quận C (nay là Thành phố Thủ Đức) của ông Trần Bửu C với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Tháng 4/2008, ông kết hôn với Bà H. Sau khi kết hôn, ông và Bà H chung sống tại căn nhà số 65/26B đường số 2, phường T, Quận C (nay là Thành phố Thủ Đức). Nhà và đất nêu trên là tài sản riêng của ông B. Tháng 4/2014, ông chuyển nhượng căn nhà số 65/26B đường số 2, phường T, Quận C (nay là Thành phố Thủ Đức) cho ông Nguyễn Văn M với số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Sau đó, ông B đã đặt cọc mua lô đất II.17 nền số 11B của ông Dương Hoài N và bà Huỳnh Thị A. Hai bên có làm hợp đồng ủy quyền để ông B được sử dụng lô đất nêu trên. Tháng 9/2014, ông B tiến hành xây dựng và được cấp số nhà 108 đường A4, phường T, Thành phố Thủ Đức. Nguồn tiền để xây dựng căn nhà này là do ông bán 02 mảnh đất ông mua trước đó và chuyển tiền vào tài khoản 0104514126 tại Ngân hàng A. Căn nhà và đất tại 108 đường A4, phường T, Thành phố Thủ Đức là tài sản riêng của ông. Bà H không có công sức đóng góp gì đối với tài sản này. Do đó ông không đồng ý đối với yêu cầu chia tài sản của Bà H. Ông yêu cầu được giữ lại căn nhà và không đồng ý chia tài sản cho Bà H.

Hiện tại ông B đang quản lý căn nhà và đất tại 108 đường A4, phường T, Thành phố Thủ Đức. Bà H và các con hiện không còn ở trong căn nhà này nữa. Ông B có nguyện vọng khi các con chung Mai Nguyễn H P và Mai Nguyễn H Đ trưởng thành, ông sẽ tặng cho nhà và đất tại 108 đường A4, phường T, Thành phố Thủ Đức cho các con.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoài N, bà Huỳnh Thị A trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị A là hai vợ chồng, trước đây vợ chồng ông được Ủy ban nhân dân Quận C được bố trí cho một nền đất tái định cư số 11B, lô III.17, thuộc nhóm nhà ở tái định cư 2A, Khu đô thị mới Đ, phường T, Quận C, diện tích 104,35 m². Do không có nhu cầu sử dụng đất, ngày 20/5/2014 vợ chồng tôi chuyển nhượng lô đất nói trên cho ông Mai Thanh B bằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 20/5/2014, hợp đồng này chỉ lập giấy tay giữa các bên và không ra công chứng được vì thời điểm đó vợ chồng tôi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng các bên thỏa thuận là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng. Ngoài ra ngày 06/6/2014 vợ chồng tôi có ký Hợp đồng ủy quyền cho ông Mai Thanh B tại Phòng công chứng số 3, nội dung ủy quyền là chúng tôi ủy quyền cho ông B được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để nộp tiền, ký hợp đồng, làm thủ tục xin phép xây dựng, xin cấp số nhà, lập bản vẽ, đóng thuế... và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông xác nhận vợ chồng ông có bán đất cho ông B, khi ký

hợp đồng ủy quyền ông B đã thanh toán số tiền 780.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng ông B sẽ thanh toán nốt khi làm xong thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc giao đất đã được thực hiện ngay sau khi ký Hợp đồng ủy quyền. Hiện nay lô đất này vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chúng tôi cũng không biết lý do vì sao chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay tại Tòa án, bà H khởi kiện ông B yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung vợ chồng ông không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này, vợ chồng ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông xác nhận là có việc bán đất cho ông B, việc mua bán và bàn giao đất đã hoàn tất vợ chồng ông không có tranh chấp gì. Hiện nay ông B và Bà H cũng đã xây dựng nhà trên đất. Do công việc bận nên phía ông bà xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Bà Huỳnh Thị A trình bày lời khai như sau: Bà là vợ của ông N, bà xác nhận lời khai của ông N là hoàn toàn đúng và bà cũng thống nhất với lời khai của ông N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Ban quản lý dự án số O do ông Lê Trung H đại diện ủy quyền trình bày: Liên quan đến nền đất tái định cư số 11A, 11B lô III.17 (nền đất 11B là địa chỉ nhà số 108 đường A4, KP P, phường T, thành phố Thủ Đức) tại dự án Khu đô thị mới Đ, phường T, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh có ý kiến như sau: Theo hồ sơ bồi thường của dự án, hộ ông Dương Hoài N được bố trí 02 nền tái định cư gồm nền đất số 11A và nền đất số 11B thuộc lô III.17 theo Quyết định bồi thường số 268/QĐ – UBND ngày 12/5/2014 và Biên bản bàn giao số 05/HUD.BQL9 – BB ngày 03/10/2013. Hiện nay hai nền đất này vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho vợ chồng ông Dương Hoài N. Hiện nay Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để hoàn tất thủ tục điều chỉnh để hoàn chỉnh hồ sơ chuyển tên trên Giấy chứng nhận cho hộ ông Dương Hoài N theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông B về việc ly hôn và chia tài sản chung phía công ty không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc bận nên phía đại diện công ty xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B, về con chung bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông B cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng/trẻ cho đến khi các con trưởng thành, thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 Dương lịch hàng tháng. Về tài sản chung do bà và ông B tự thỏa thuận được nên bà xin rút yêu cầu chia tài sản là nền đất số 11B, Thửa 16-lô 111.17 diện tích 104 m² khu tái định cư Đ tại địa chỉ số 108 đường A4, khu phố P, phường T, Thành phố Thủ Đức.

Ông Mai Thanh B đồng ý với lời trình bày của bà H, ông đồng ý ly hôn với bà H, đồng ý với yêu cầu nuôi con và số tiền cấp dưỡng như trên. Về tài sản chung

ông và bà H sẽ tự thỏa thuận được nên bà H xin rút yêu cầu chia tài sản trong vụ án này ông cũng đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần rút kinh nghiệm về thời hạn xét xử.

- Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu, đối với yêu cầu ly hôn và con chung các đương sự tự thỏa thuận được, việc thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông B nên xác định là quan hệ tranh chấp về việc ly hôn và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] *Về việc vắng mặt của các đương sự:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông Dương Hoài N, bà Huỳnh Thị A, ông Lê Trung H đại diện Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Ban quản lý dự án số O.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn như sau:*

Bà H và ông B đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh Giấy chứng nhận kết hôn số 019, quyển số KH/08. Từ đầu năm 2018, bà và ông B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, cuộc sống ngột ngạt khiến cả hai không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Năm 2019, bà làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện để tạo cơ hội hai bên hàn gắn. Tuy nhiên Bà H và ông B vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn gay gắt, không thể hàn gắn được. Nay bà xác định không còn tình

cảm với ông B, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông B đồng ý với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị H về thời điểm kết hôn, mối quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, con chung. Mâu thuẫn giữa ông và bà H không thể giải quyết, ông xác định không còn tình cảm với bà H và đồng ý ly hôn. Do các bên tự nguyện thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông B về việc ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông B có 02 người con chung tên Mai Nguyễn H P (nam), sinh năm 2009 và Mai Nguyễn H Đ (nam), sinh năm 2015. Tại phiên tòa bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hàng tháng yêu cầu ông B cấp dưỡng số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng đối với mỗi trẻ. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Ông B đồng ý với yêu cầu nuôi con và số tiền cấp dưỡng bà H trình bày nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông B về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Ông B được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung, ông B đồng ý với việc rút đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này

[4] *Về án phí*: Bà H tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, bà H được hoàn lại án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung, ông B không phải chịu án phí.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Bà H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 243, khoản 1 Điều 273, Điều 244, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Mai Thanh B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 019, quyển số KH/08 ngày 06/3/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông B có 02 (hai) người con chung tên Mai Nguyễn H P (nam), sinh năm 2009 và Mai Nguyễn H Đ (nam), sinh năm 2015. Bà H và ông B thống nhất Bà H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hàng tháng yêu cầu ông B cấp dưỡng số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng đối với mỗi trẻ. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 10/6/2023.

Ông B được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung là nền đất số 11B, Thửa 16-lô 111.17 diện tích 104 m² khu tái định cư Đ tại địa chỉ số 108 đường A4, khu phố P, phường T, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn đồng) Bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0028756 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 21/5/2021. Bà H còn phải nộp thêm 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí là 56.500.000 (Năm mươi sáu triệu, năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0028757 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 21/5/2021.

Ông B không phải nộp án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Thủ Đức;
- THA Tp. Thủ Đức, Tp.HCM;
- UBND Phường Z, Quận X, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Hải Yến

-